

# Mô hình tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và một số trường đại học thành viên - thực trạng và giải pháp

Ngô Minh Tín\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Hiện nay, sở hữu trí tuệ nói chung và công tác tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ (quản trị TSTT) nói riêng đang được hầu hết các tổ chức kinh tế đặc biệt quan tâm bởi sự đóng góp vô cùng lớn vào giá trị tài sản của tổ chức. Những năm gần đây, cùng với xu thế phát triển chung của cả nước và các ngành, các trường đại học, nơi khởi nguồn sáng tạo, bắt đầu của hầu hết TSTT đã dần nhận ra giá trị đóng góp của TSTT đối với sự phát triển bền vững, các trường đã bước đầu xây dựng và vận hành các mô hình quản trị TSTT cho riêng mình nhằm tìm ra mô hình phù hợp vì công tác quản trị TSTT chỉ đạt được hiệu quả khi chúng ta có được mô hình quản trị phù hợp nhất. Không nằm ngoài xu thế đó, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM) và các trường thành viên đã sớm thử nghiệm và vận hành các mô hình cho riêng mình. Sau gần 10 năm vận hành, hiện chưa có báo cáo tổng kết chính thức về hiệu quả thu được từ từng mô hình, tuy nhiên qua các số liệu có thể quan sát được, tác giả nhận thấy mỗi mô hình đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Bài viết này tác giả phân tích các mô hình quản trị TSTT tại VNU-HCM và các trường đại học thành viên, từ đó đưa ra đề xuất mô hình quản trị TSTT phù hợp cho từng chủ thể.

**Từ khoá:** Quản trị tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ, quản lý tài sản trí tuệ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TSTT TẠI VNU-HCM VÀ MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN

### Mô hình QTTSTT của VNU-HCM

VNU-HCM là một trong hai đại học quốc gia của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu cả nước và khu vực. Theo số liệu thống kê năm 2018, tổng số đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ tại VNU-HCM là 273 đơn, trong đó có 57 sáng chế đã được cấp bằng, 4.515 bài báo được công bố và doanh thu từ chuyển giao công nghệ đạt 255 tỷ đồng<sup>1</sup>. Mặt dù con số còn hạn chế so với các đại học trong khu vực và trên thế giới, tuy nhiên, đây là con số đáng khích lệ trong bối cảnh chung việc đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam của các trường đại học vô cùng thấp có năm còn là con số 0 về số lượng bằng được cấp<sup>2</sup>.

Từ số liệu thống kê cho thấy, mặt dù VNU-HCM bước đầu đã ghi nhận rất nhiều thành tựu trong nghiên cứu khoa học và đã sáng tạo nhiều tài sản trí tuệ (TSTT). Tuy nhiên doanh thu từ việc chuyển giao TSTT còn khá hạn chế<sup>3</sup>. Kết quả này thể hiện một số hạn chế

<sup>3</sup>Trong đó, đa phần là chuyển giao công nghệ, kết quả nghiên cứu chưa đăng ký xác lập quyền.

trong công tác quản trị TSTT đặc biệt ở giai đoạn thương mại hoá TSTT bên cạnh việc chuyển giao công nghệ ngay khi được sáng tạo và chưa kịp đăng ký xác lập quyền dẫn đến giá trị được xác định thấp hơn so với giá trị thực của đối tượng.

Nhìn chung, từ nhiều năm nay, xác định được tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển bền vững của VNU-HCM, VNU-HCM đã xây dựng mô hình quản trị TSTT từ rất sớm và đa dạng với nhiều đơn vị có chức năng, nhiệm vụ và cho từng giai đoạn khác nhau trong công tác quản trị TSTT như: Ban Khoa học Công nghệ, Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ (IPTC); Khu công nghệ phần mềm (ITP).

### Mô hình

Với đặc thù là cơ quan quản lý nhà nước nhưng lại có chức năng giáo dục, nghiên cứu khoa học và có nhiều trường đại học thành viên, viện nghiên cứu, trung tâm, phòng thí nghiệm mạnh của cả nước và trong khu vực. VNU-HCM đã sớm xây dựng hệ thống quản trị TSTT mang tính đặc thù “vừa hành chính vừa dịch vụ” bao gồm các đơn vị chính: Ban KHCN, IPTC, ITP, các Phòng KHCN và các Phòng chuyên trách SHTT tại các đơn vị thành viên, trực thuộc<sup>1</sup>.

Trường Đại học Kinh tế - Luật,  
ĐHQG-HCM, Việt Nam

### Liên hệ

Ngô Minh Tín, Trường Đại học Kinh tế - Luật,  
ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: tinm@uel.edu.vn

### Lịch sử

- Ngày nhận: 19-12-2021
- Ngày chấp nhận: 22-5-2021
- Ngày đăng: 26-5-2021

DOI : 10.32508/stdjelm.v5i3.743

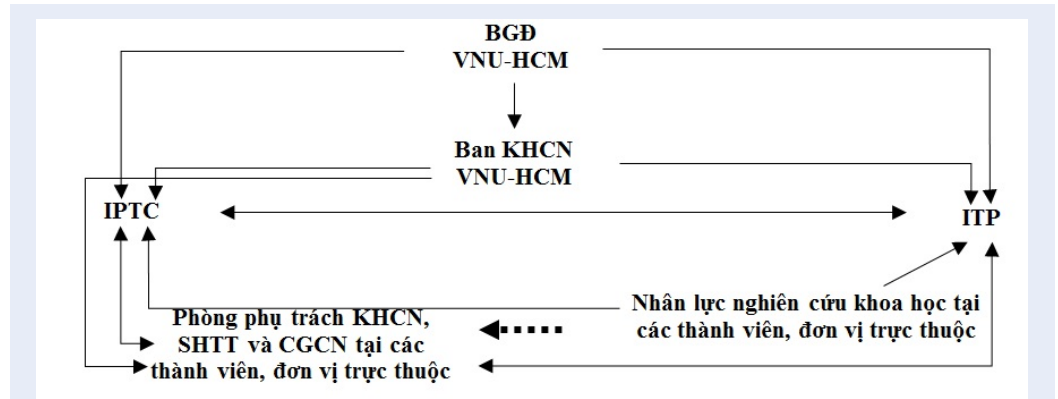


### Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Trích dẫn bài báo này:** Tín N M. **Mô hình tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và một số trường đại học thành viên - thực trạng và giải pháp.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(3):1589-1597.



Hình 1: Lưu đồ tổ chức các đơn vị có chức năng quản lý liên quan SHTT tại VNU-HCM

Theo đó, trong khi ban KHCN có chức năng quản lý hành chính các lĩnh vực liên quan nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ, có thể được xem là cơ quan cấp trên theo chiều dọc của các Phòng KHCN tại các thành viên và đơn vị trực thuộc và là trung tâm đầu mối và kết nối các đơn vị lại với nhau, thì IPTC lại được xây dựng thành một trung tâm dịch vụ, hỗ trợ cán bộ, các thành viên, đơn vị trực thuộc trong việc nhận diện, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ hoạt động theo sự chỉ đạo và giám sát của Ban KHCN<sup>b</sup>; Bên cạnh đó, ITP mặt dù với tên gọi bị giới hạn là Khu công nghệ phần mềm, tuy nhiên thật chất lại là một vườn ươm doanh nghiệp với đa dạng các doanh nghiệp KHCN, trung tâm, viện nghiên cứu đa lĩnh vực được hỗ trợ bước đầu khởi nghiệp trước khi vươn ra thị trường chung<sup>3</sup>.

### Ưu điểm và hạn chế

#### Ưu điểm

Với việc hoàn thiện hệ thống quản trị TSTT từ giai đoạn sáng tạo đến hỗ trợ nhận diện, phân loại, xác lập quyền, khởi nghiệp và thương mại hoá như hiện nay, mô hình quản trị TSTT tại VNU-HCM có nhiều ưu điểm vượt trội, tương đồng với một số mô hình tại các trường đại học Nhật Bản<sup>4</sup> như:

- Thứ nhất, mô hình này đã khép kín được chuỗi quy trình quản trị TSTT từ từ giai đoạn tạo lập (sáng tạo) đến thương mại hoá (giai đoạn và là mục tiêu chính của chuỗi quản trị TSTT).
- Thứ hai, mô hình này đã đa dạng hoá cách thức hỗ trợ đối với nhà khoa học, từ hỗ trợ nghiên cứu đến tư vấn nhận diện, xác lập quyền, đến khởi nghiệp và thương mại hoá. Điều này giúp người sáng tạo, các nhà khoa học thuận lợi tập trung hoàn toàn cho quá trình nghiên cứu chuyên môn của mình.

<sup>b</sup>Thông thường, Giám đốc IPTC sẽ do 1 lãnh đạo Ban KHCN kiêm nhiệm

- Thứ ba, mô hình này với cách thức trao quyền quản lý kết quả sáng tạo thống nhất cho Ban KHCN mang tính hành chính giúp công tác quản lý TSTT được thống nhất, hiệu quả, chống thất thoát TSTT.

- Thứ tư, cùng với việc hành chính hoá công tác quản lý kết quả sáng tạo, việc thành lập các trung tâm hỗ trợ, dịch vụ phụ trách các giai đoạn còn lại của chuỗi quản trị TSTT, bao gồm: hỗ trợ tư vấn nhận diện, phân loại, xác lập quyền, khởi nghiệp và thương mại hoá là phù hợp với xu hướng phát triển chung của các trường đại học trên thế giới<sup>4</sup>. Mặt khác, việc thành lập các trung tâm dịch vụ, hỗ trợ này cũng góp phần giảm chi ngân sách theo định hướng chung của nhà nước về sự tự chủ về tài chính. Với cơ chế này, IPTC sẽ chủ động hơn trong việc liên kết với các đối tác là cơ quan nhà nước cũng như doanh nghiệp trong việc hỗ trợ xác lập quyền và thương mại hoá TSTT.

#### Hạn chế

Bên cạnh các mặt đã được trong mô hình này, mô hình quản trị TSTT VNU-HCM hiện tại vẫn còn tồn tại một số hạn chế như<sup>5</sup>:

- Thứ nhất, chưa có hệ thống cơ sở pháp lý mang tính ràng buộc chung, thống nhất cho tất cả các đơn vị thành viên, trực thuộc dẫn đến việc thành lập và hoạt động các bộ phận quản trị TSTT tại các đơn vị thành viên chưa đồng bộ. Mỗi trường một kiểu chưa có sự thống nhất.
- Thứ hai, chưa có cơ chế rõ ràng cho sự liên kết giữa các bộ phận quản trị TSTT tại các thành viên với nhau dẫn đến thiếu cơ chế cho sự hợp tác, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị này.
- Thứ ba, chưa xác định rõ ràng mối quan hệ giữa IPTC với các đơn vị thành viên. Thật vậy, với vị trí là một trung tâm hỗ trợ như hiện tại, IPTC không phải là đơn vị quản lý của các bộ phận quản trị TSTT của các đơn vị thành viên. Vì vậy mối liên hệ này chỉ dừng

lại ở việc phối hợp, nếu các đơn vị không tích cực phối hợp thì hiệu quả hoạt động của IPTC sẽ bị gián đoạn.  
- Thứ tư, với tư cách pháp lý là trung tâm trực thuộc VNU-HCM, IPTC không phải là đơn vị hành chính và cũng không phải là doanh nghiệp, điều này làm cho IPTC vừa không ra được các quyết định mang tính bắt buộc với các đơn vị vừa không thể hoạt động kinh doanh như một doanh nghiệp thực thụ. Điều này gây khó khăn rất nhiều cho sự chủ động trong hoạt động của IPTC với các thành viên và đối tác<sup>c</sup>.

### **Mô hình quản trị TSTT tại một số trường thành viên**

Về cơ bản, qua tìm hiểu tác giả nhận thấy tại các Trường ĐH thành viên VNU-HCM đang có 02 xu hướng mô hình quản trị TSTT:

Một là, mô hình thành lập bộ phận chuyên trách. Mô hình này thường là thành lập Phòng Thanh tra Pháp chế Sở hữu trí tuệ như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (Hình 2) và ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (Hình 3).

Hai là, quy định chức năng quản trị TSTT thuộc Phòng Khoa học Công nghệ (hoặc tên gọi khác tùy Trường), bao gồm: Trường ĐH Bách Khoa (Hình 4), Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Trường ĐH Quốc tế và Trường ĐH Kinh tế - Luật.

### **Mô hình thành lập bộ phận chuyên trách**

#### *Trường ĐH Khoa học Tự nhiên*

Trường ĐH Khoa học Tự nhiên được xem là một trong những trường tiên phong trong cả nước nói chung và tại VNU-HCM nói riêng trong việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý, hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực chuyên trách cho công tác quản trị TSTT.

Theo đó, xét thấy tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ đối với công tác nghiên cứu, giảng dạy và sự phát triển chung của Trường, là một trường chuyên đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản đến ứng dụng cao quy mô lớn trong cả nước, số lượng TSTT được sáng tạo tại trường vô cùng lớn nhưng chưa được phát hiện và khai thác xứng tầm.

Từ năm 2012, Trường đã bắt đầu cử nhân sự đào tạo chuyên sâu về công tác quản trị TSTT.

Năm 2013, thành lập Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ (Phòng TTPCSHTT). Đây được xem là một trong những trường đại học tiên tại VNU-HCM có phòng chuyên trách về công tác QTTSTT.

Nhờ có sự nhận thức và đồng thuận từ rất sớm về vai trò của công tác QTTSTT đến sự phát triển chung của Trường, đến nay, hầu hết người học, đội ngũ lao động

tại Trường đều nắm bắt cơ bản về sở hữu trí tuệ và vai trò của sở hữu trí tuệ đối với bản thân từng người, góp phần nâng cao giá trị của sự sáng tạo, tuân thủ pháp luật và khai thác TSTT hiệu quả hơn<sup>6</sup>.

#### **Ưu điểm và hạn chế của mô hình**

Với cách tiếp cận và sự tích cực hoạt động của Phòng TTPCSHTT mô hình quản trị TSTT tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên đã đạt được nhiều thành công như:

- Xây dựng được hệ thống văn bản quy định khá đầy đủ cho công tác quản trị TSTT tại trường như: Quy chế quản trị tài sản trí tuệ 2016 (quy chế tạm thời năm 2013); quy chế quản lý và sử dụng tài liệu mật; Quy định về công bố thông tin; ...

- Xây dựng được ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật sở hữu trí tuệ nói riêng cho toàn thể người học và người lao động thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khoá, tập huấn, hội thảo chuyên đề mang tính bắt buộc với người học và người lao động kết hợp với các khoá đào tạo chuyên sâu cho toàn thể người lao động sau khi đã kích thích được sự tò mò của nhân sự<sup>7</sup>.

- Hình thành được ý thức tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi tiến hành các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ trong toàn thể người lao động tại Trường.

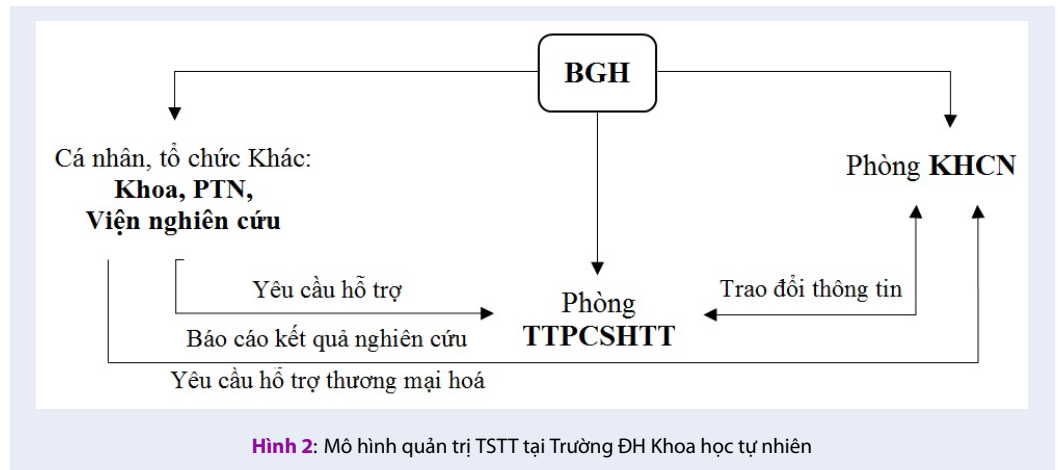
- Nâng cao khả năng xác lập quyền sở hữu trí tuệ và giá trị thương mại hoá đối với các đối tượng nghiên cứu tại trường một cách rõ rệt.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, tác giả nhận thấy mô hình quản trị TSTT tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên trong quá trình vận hành còn một số tồn tại sau:

- Vẫn chưa thống nhất được vai trò và mối quan hệ giữa các đơn vị chức năng, đặc biệt là quan hệ giữa Phòng TTPCSHTT (Cụ thể bộ phận SHTT) với Phòng Khoa học Công nghệ (KHCN). Theo đó, trong khi Phòng KHCN quản lý đề tài, các công trình nghiên cứu và kết quả thu được thì Phòng TTPCSHTT lại thực hiện việc hỗ trợ xác lập quyền, đào tạo nguồn nhân lực. Với cách phân công nhiệm vụ như hiện tại, Phòng TTPCSHTT sẽ bị thụ động trong công tác giám sát nguồn đầu vào cho việc xác lập quyền SHTT đối với các kết quả thu được mà Trường là chủ sở hữu, đồng chủ sở hữu, dễ làm mất, thất thoát TSTT của Trường. Trong khi, các số liệu liên quan đến công tác quản trị TSTT do Phòng TTPCSHTT quản lý thì việc báo cáo các vấn đề này lại thuộc trách nhiệm của Phòng KHCN dẫn đến sự không đồng bộ trong công tác báo cáo trong khi Phòng TTPCSHTT vẫn chịu trách nhiệm báo cáo song song.

- Về công tác thương mại hoá TSTT sẽ do Phòng KHCN phụ trách, trong khi Phòng TTPCSHTT lại

<sup>c</sup>Ví dụ: gặp khó khăn khi được yêu cầu xuất hoá đơn dịch vụ,...



quản lý về thông tin TSTT (bao gồm: xác lập quyền, tình trạng,...) và chịu trách nhiệm liên quan các thủ tục pháp lý như hợp đồng, hỗ trợ đàm phán,...

- Việc thương mại hoá TSTT đa phần do các tác giả chủ động tìm đối tác. Hiện tại chưa có cơ chế hỗ trợ kết nối nhà khoa học, nghiên cứu với doanh nghiệp hiệu quả mặc dù có rất nhiều bộ phận có chức năng này. Một phần của vấn đề là tất cả các bộ phận phụ trách đều không độc lập với Trường, dẫn đến mọi hoạt động đều phải thông qua quy trình, thủ tục hành chính phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian và công đoạn nên thường sẽ lỡ mất cơ hội thương mại hoá vì đối tác cảm thấy quá phức tạp.

#### *Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn*

Với bề dày lịch sử về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn hàng đầu Việt Nam, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị TSTT tại Trường thông qua việc thành lập Ban Quản trị TSTT và cử nhân sự tham dự nhiều lớp tập huấn, đào tạo chuyên sâu về quản trị TSTT.

Trong lúc hoạt động của Ban QT TSTT còn chưa phát huy được hiệu quả tuyệt đối trong công tác thay đổi cách tiếp nhận của người học và người lao động đối với sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đạo văn và chống đạo văn thì sự phát triển và hội nhập nhanh chóng của Trường đòi hỏi phải có một cơ chế hiệu quả hơn. Năm 2016, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn đã đổi tên và bổ sung chức năng Phòng TTCSTT trực thuộc trường thành Phòng Thanh tra - Pháp chế - Sở hữu trí tuệ thuộc trường<sup>8</sup>. Đây là đơn vị chuyên trách cấp trường thực hiện nhiệm vụ quản trị tài sản trí tuệ song song Ban Quản trị TSTT.

Đến năm 2019, Ban Quản trị TSTT kết thúc nhiệm vụ lịch sử của mình và Trường hiện tại chỉ còn Phòng

Thanh tra - Pháp chế - Sở hữu trí tuệ chuyên trách về lĩnh vực này.

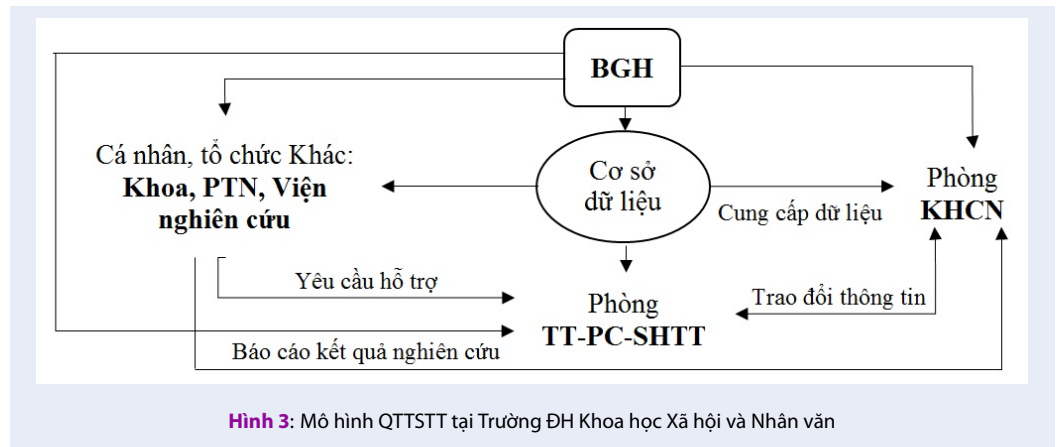
Tương tự như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, mặc dù được lập muộn hơn nhưng Phòng Thanh tra - Pháp chế - Sở hữu trí tuệ Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn được tổ chức chặt chẽ và chuyên nghiệp với ít nhất 3 chuyên viên tốt nghiệp ngành luật (trong đó có 2 thạc sĩ luật) đã phát huy được hiệu quả của mình. Về cơ bản, mô hình quản trị TSTT tại Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn khá giống với Trường ĐH Khoa học Tự nhiên. Tuy nhiên, mô hình giữa 2 trường vẫn có nhiều điểm khác biệt cơ bản bao gồm: Mối quan hệ giữa Phòng Thanh tra - Pháp chế - Sở hữu trí tuệ với các đơn vị khác; hạ tầng hỗ trợ công tác chuyên môn được đầu tư.

#### **Ưu điểm và hạn chế của mô hình**

Ngoài những ưu điểm có được tương tự mô hình tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, mô hình quản trị TSTT của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn còn khắc phục được số khuyết điểm thường thấy của các mô hình quản trị TSTT khác như:

- Việc giao cho Phòng TT-PC-SHTT làm đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ đã xác định mối liên hệ cơ bản của các đơn vị trong trường liên quan đến lĩnh vực này. Theo đó, Phòng KHCN sẽ có nghĩa vụ cung cấp tình hình nghiên cứu khoa học và kết quả nghiên cứu cho Phòng TT-PC-SHTT làm đầu mối quản lý.

- Để khắc phục nhược điểm chậm trễ trong việc tiếp cận kết quả nghiên cứu khoa học của Phòng TT-PC-SHTT, Trường đã cho xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học và kết quả dùng chung cho các đơn vị được cấp quyền. Qua đó, trong lúc chờ báo cáo đầy đủ, chính thức của Phòng KHCN, Phòng TT-PC-SHTT có thể chủ động theo sát tình hình nghiên cứu và kết quả cần xác lập quyền để kịp thời tham mưu hiệu quả.



Bên cạnh những ưu điểm đã được khắc phục, mô hình của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn vẫn chưa cho thấy vai trò của các đơn vị trong việc hỗ trợ thương mại hoá sản phẩm trí tuệ. Trong khi đó, việc khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ được xem là động lực cho mọi sự sáng tạo thì lại được đơn vị để ngỏ.

### Mô hình giao nhiệm vụ quản trị TSTT cho Phòng phụ trách khoa học công nghệ

Mặc dù có cùng mô hình về vị trí thực hiện nhiệm vụ quản trị TSTT tuy nhiên, ứng với mỗi trường theo mô hình này lại có cách tiếp cận, bố trí khác nhau.

Trong khi tại Trường ĐH Bách khoa ngoài việc giao nhiệm vụ cho Phòng KHCN và Dự án<sup>9</sup> chịu trách nhiệm quản trị TSTT thì tại đơn vị này còn có Trung tâm ươm tạo Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ giúp hỗ trợ công tác thực thi hoá ý tưởng, kết quả nghiên cứu trước khi vào thị trường<sup>10</sup>. Đây là mối xích quan trọng trong việc hỗ trợ đầu ra cho nghiên cứu khoa học mà các mô hình trước chưa làm được.

Tuy nhiên, đối ngược với mô hình 1, tại các Trường thuộc mô hình này tác giả không nhận thấy hoạt động chuyên sâu về đào tạo nhân lực, hỗ trợ nhà nghiên cứu trong việc nhận diện, phân loại, xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Việc làm này khiến cho các nhà nghiên cứu hầu hết không nắm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình trước, trong và sau nghiên cứu. Trong khi các chủ thể quan tâm phải sử dụng dịch vụ bên ngoài hoặc các Trường thành viên khác (ví dụ: Phòng TTPCSHTT, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên) để được hỗ trợ. Điều này ít nhiều làm thất thoát TSTT của Trường.

Tại các trường còn lại, tác giả nhận thấy hầu hết chưa có hoạt động rõ ràng và nhân sự chuyên trách cho hoạt động quản trị TSTT.<sup>11,12</sup>

## KHUYẾN NGHỊ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TSTT TẠI VNU-HCM VÀ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN

### Mô hình quản trị TSTT tại VNU-HCM

Từ những giá trị tích cực và hạn chế của Mô hình quản trị TSTT tại VNU-HCM, tác giả đề xuất mô hình quản trị TSTT tại VNU-HCM theo hướng giữ mô hình hiện tại đồng thời chuyển IPTC sang cơ chế hoạt động dịch vụ hoàn toàn nhằm tăng cường khả năng linh động trong hoạt động và có thể chủ động liên hệ các doanh nghiệp, đối tác trong việc chuyển giao TSTT, là đầu mối nhận đặt hàng nghiên cứu (Hình 5). Ngoài ra, IPTC còn có thể chủ động cung cấp dịch vụ cho các chủ thể khác kể cả các chủ thể không thuộc VNU-HCM.

### Mô hình

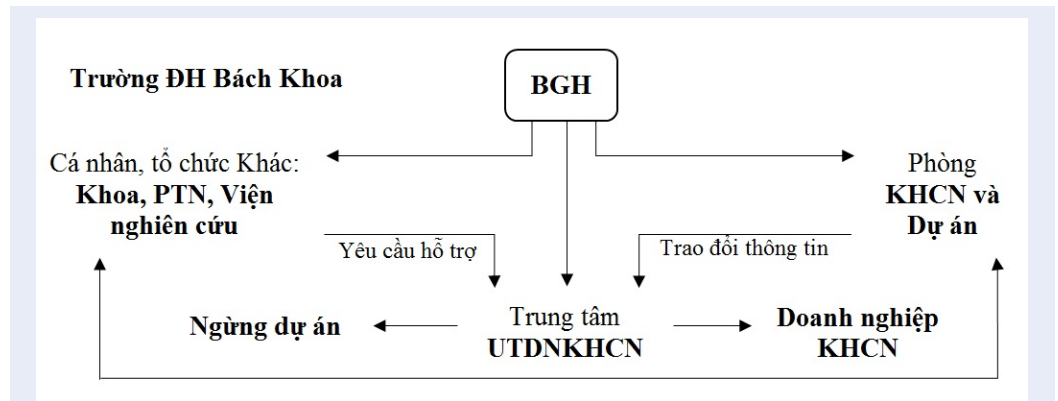
Hình 5

### Diễn giải

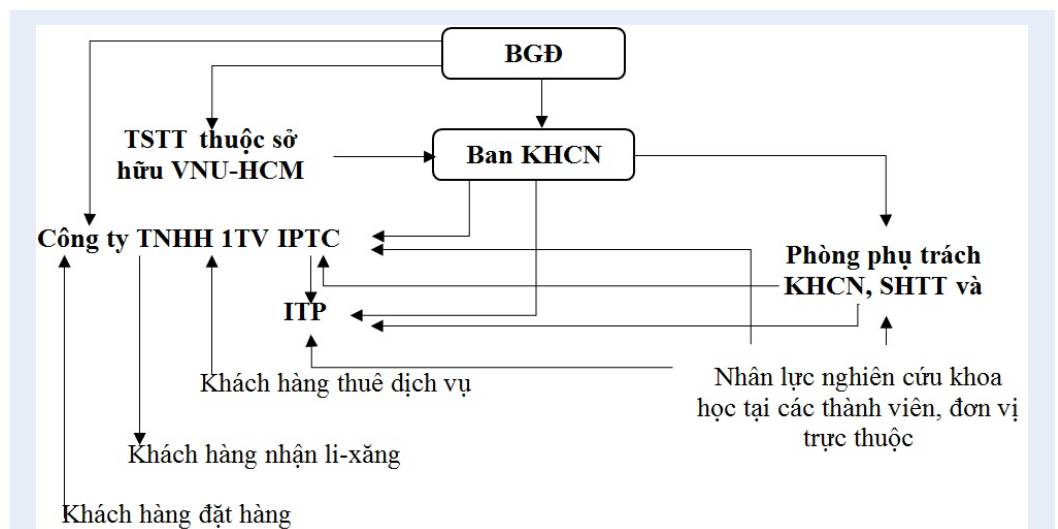
Với mô hình mới như đề xuất, mô hình quản trị TSTT VNU-HCM gồm các chủ thể chính:

- Ban KHCN: tiếp tục giao Ban KHCN công tác quản lý hành chính về nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ như hiện tại. Như đã trình bày, với cách bố trí này Ban KHCN thực hiện chức năng quản lý hành chính trong việc quản lý kết quả nghiên cứu khoa học sẽ hiệu quả, tránh thất thoát, mất TSTT của VNU-HCM. Đồng thời, Ban KHCN có đủ quyền yêu cầu các bộ phận phụ trách quản trị TSTT tại các trường đại học thành viên báo cáo hoạt động để kịp thời định hướng phát triển chung, đồng bộ và chia sẻ thông tin quản trị toàn hệ thống.





Hình 4: Mô hình quản lý TSTT tại Trường ĐH Bách Khoa



Hình 5: Mô hình quản lý TSTT tại VUN-HCM kiến nghị

- IPTC: để phát huy hiệu quả hoạt động của IPTC, nhằm khắc phục các hạn chế của trung tâm này như hiện trạng. Tác giả đề xuất VNU-HCM nên xem xét thành lập một công ty thuộc sở hữu VNU-HCM<sup>d</sup> trên cơ sở chuyển đổi từ IPTC hiện nay. Việc này giúp IPTC hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, vừa đáp ứng nhiệm vụ được VNU-HCM giao vừa cung cấp dịch vụ cho các chủ thể khác để chủ động nguồn thu. Theo đó, cơ cấu của IPTC sẽ bao gồm đại diện chủ sở hữu (Hội đồng thành viên), giám đốc sẽ do Hội đồng thành viên (VNU-HCM chỉ định) với chức năng: tiếp nhận hỗ kết quả nghiên cứu, TSTT căn tư vấn từ Ban KHCN; tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn nhận diện, phân loại, xác

<sup>d</sup>Đề xuất Công ty TNHH 1TV với vốn sở hữu ban đầu 100% của VNU-HCM

lập quyền cho các đối tượng; là đầu mối hỗ trợ các nhà nghiên cứu làm việc với ITP yêu cầu được hỗ trợ khởi nghiệp khi cần; chủ động liên hệ các doanh nghiệp đối tác để chào bán công nghệ, TSTT đã được xác lập quyền, nhận đặt hàng nghiên cứu từ doanh nghiệp và báo cáo lại Ban KHCN để giao các đơn vị thành viên phù hợp; tiếp nhận dịch vụ từ các chủ thể có nhu cầu bên ngoài nếu còn nguồn lực<sup>e</sup>. Việc chuyển đổi IPTC không gặp nhiều khó khăn về nhân sự khi có thể sử dụng toàn bộ đội ngũ nhân lực như hiện tại và có thể bổ sung khi cần thiết.

- ITP: tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ của ITP cho các hoạt động khởi nghiệp như hiện tại.

<sup>e</sup>Chỉ thực hiện sau khi ưu tiên thực hiện nhiệm vụ được Ban KHCN giao.

## Mô hình quản trị TSTT tại các trường đại học thành viên

Tương tự, từ những kết quả hoạt động tích cực của một số mô hình quản trị TSTT tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Bách Khoa và khắc phục một số hạn chế từ các mô hình đang vận hành của các trường đại học thành viên, tăng cường sự thống nhất trong toàn hệ thống và sự gắn kết, phối hợp giữa các bộ phận, đơn vị, tác giả đề xuất mô hình quản trị TSTT chung, mang tính cơ bản tại các trường đại học thành viên (Tuỳ vào đặt thù hoạt động, ngành nghề thành viên đang đào tạo sẽ có các điều chỉnh phù hợp với đối tượng TSTT phát sinh) như Hình 6.

### Mô hình

Hình 6

### Diễn giải

Mô hình quản trị TSTT tại các trường thành viên được đề xuất (Hình 6) gồm các cấu thành cơ bản sau:

- Phòng phụ trách KHCN, SHTT của trường: với mô hình này đây được xem là cơ chế trung tâm của hoạt động quản trị TSTT tại các trường đại học thành viên, tác giả đề xuất thống nhất nhiệm vụ quản lý khoa học và quản trị TSTT cho một đơn vị duy nhất. Việc phân công thống nhất này giúp trường thống nhất quản lý công tác nghiên cứu khoa học, kết quả nghiên cứu và TSTT phát sinh, từ đó nhà trường dễ dàng quản lý TSTT tránh thất thoát, mất và hỗ trợ thương mại hoá tốt hơn. Bên cạnh đó, công tác thống kê, báo cáo và chia sẻ dữ liệu cũng được nhanh chóng hơn. Từ đó, tác giả đề xuất thành lập mới, xác nhập, hoặc điều chuyển bộ phận quản trị TSTT hiện tại của các đơn vị về Phòng có chức năng quản lý KHCN của Trường (gọi chung là Phòng KHCN)<sup>f</sup>. Việc giao cho Phòng quản lý khoa học đảm nhiệm công tác quản trị TSTT của trường là phù hợp vì không xáo trộn cơ cấu nhân sự, chỉ luân chuyển hoặc tuyển mới, từ đó tạo sự ổn định và thống nhất các giai đoạn quản trị TSTT từ tạo lập đến thương mại hoá được quản lý chặt chẽ và khép kín.
- Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn nhận diện, phân loại, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ: để công tác tư vấn, hỗ trợ hoạt động nhận diện, phân loại, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ hiệu quả, bên cạnh

<sup>f</sup>Về tên gọi của Phòng sẽ do đặc thù của từng trường đại học thành viên và do Hiệu trưởng quyết định.

việc giảm gánh nặng nhân sự, tác giả đề xuất các trường đại học thành viên nên thành lập công ty thuộc sở hữu của trường nhằm thực hiện các nhiệm vụ nhà trường giao thông qua Phòng KHCN và các chủ thể khác có nhu cầu tương tự như Công ty TNHH 1 TV IPTC đã được đề xuất tại VNU-HCM. Công ty này sẽ giúp các nhà nghiên cứu của trường được hỗ trợ nhanh chóng và hiệu quả từ việc dịch vụ chuyên nghiệp và chuyên trách, đồng thời nhà trường cũng chủ động được công việc khi có thể giao nhiệm vụ thông qua Phòng KHCN. Trong trường hợp nhận thấy chưa thật sự cần thiết thành lập công ty, các trường có thể sử dụng dịch vụ của IPTC. Tuy nhiên, việc sử dụng dịch vụ của IPTC sẽ tồn tại một số hạn chế cho trường khi không thể giao nhiệm vụ cho IPTC; số lượng hồ sơ cần được hỗ trợ tại IPTC dự kiến sẽ rất lớn, gây ra tình trạng quá tải; đồng thời các trường không thể chủ động hoạt động khi có nhu cầu.

## KẾT LUẬN

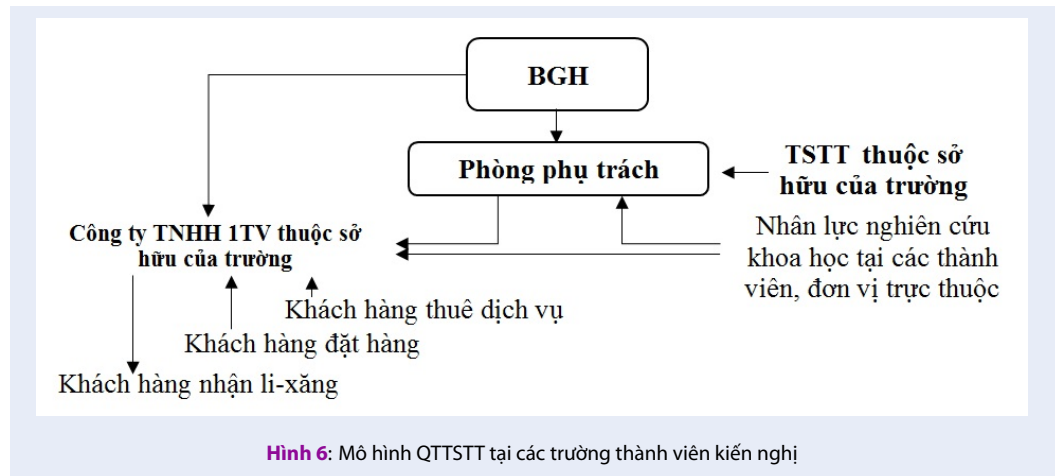
Nhìn chung, qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy tại VNU-HCM và hầu hết các trường đại học thành viên đều đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác sáng tạo và quản trị tài sản trí tuệ từ rất sớm mặc dù mức độ quan tâm có khác nhau. Tuy nhiên, để công tác QTSTT tại đơn vị được hiệu quả, thiết nghĩ VNU-HCM và các trường đại học thành viên cần nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện mô hình QTSTT mang tính đặc thù và hiệu quả cho riêng mình. Trong quá trình hoàn thiện hệ thống, hướng tới sự đặc thù và hiệu quả, VNU-HCM và các trường đại học thành viên có thể tham khảo một số mô hình rất thành công được chia sẻ tại Nhật Bản và Hàn Quốc từ đó có giải pháp xây dựng và hoàn thiện mô hình phù hợp hơn.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TSTT: Tài sản trí tuệ  
SHTT, IP: Sở hữu trí tuệ  
QTSTT, IAG: quản trị tài sản trí tuệ  
VNU-HCM: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh  
IPTC: Trung tâm chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ  
ITP: Khu công nghệ phần mềm  
KHCN: Khoa học công nghệ  
TTPCSHTT, TT-PC-SHTT: Thanh tra Pháp chế Sở hữu trí tuệ

## XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.



## ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung toàn bài báo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ VNUHCM; Available from: <https://vnuhcm.edu.vn/nguyen-cuu/33366864>.
2. Cục Sở hữu trí tuệ. Phụ lục 1 Báo cáo thường niên năm 2013-2018. Hà Nội: Bộ Khoa học công nghệ. 2018;.
3. Hỗ trợ khởi nghiệp tại ITP; Available from: <https://itp.vn/vi/ho-tro-khoi-nghiep.html>.
4. Cục Sở hữu trí tuệ. Mô hình quản trị TSTT trong các trường đại học của Nhật Bản và Hàn Quốc. Hà Nội: Bộ Khoa học công nghệ. 2014;.
5. Quyển H. Hội thảo tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp thực trạng và giải pháp. Hà Nội: Bộ Khoa học công nghệ. 2017;.
6. Cơ cấu tổ chức Phòng TTPCSHTT trường ĐH Khoa học tự nhiên; Available from: <https://www.hcmus.edu.vn/tt pcshtt>.
7. Tài liệu chuyên đề quyền tác giả dành cho sinh viên Trường ĐH Khoa học tự nhiên; Available from: <https://www.hcmus.edu.vn/component/content/article/142-tt pcshtt/thong-bao-danh-cho-sinh-vien/2692-tai-lieu-shcd-nam-hoc-2019-2020-chuyen-de-quyen-tac-gia-va-quyen-cong-bo-thong-tin?Itemid=437>.
8. Cơ cấu tổ chức Phòng TT-PC-SHTT trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn; Available from: <http://ttpc.hcmussh.edu.vn/Default.aspx?ArticleId=cf2acffe-9504-4e86-87b2-63dca210f88b>.
9. Cơ cấu tổ chức Phòng KHCN và Dự án trường ĐH Bách khoa; Available from: <https://www.hcmut.edu.vn/vi/welcome/view/cac-don-vi-truc-thuoc/phong--ban-chuc-nang/phong-khoa-hoc-cong-nghe-va-du-an->.
10. Cơ cấu tổ chức Trung tâm ương tạo doanh nghiệp trường ĐH Bách khoa; Available from: <https://www.hcmut.edu.vn/vi/welcome/view/cac-don-vi-truc-thuoc/trung-tam-khoa-hoc-cong-nghe/trung-tam-uom-tao-doanh-nghiep-cong-nghe-hcmuttbi>.
11. Cơ cấu tổ chức Phòng Quản lý khoa học trường ĐH Quốc tế; Available from: <https://hcmiu.edu.vn/phong-ban-va-trung-tam/phong-quan-ly-khoa-hoc/>.
12. Cơ cấu tổ chức Phòng Đào tạo - Sau đại học - Khoa học công nghệ trường ĐH Công nghệ thông tin; Available from: <https://www.uit.edu.vn/phong-dao-tao-sdh-khcn>.



# The model of organization and management of intellectual property activities in Viet Nam National University Ho Chi Minh City and the universities members - current situation and solutions

Ngo Minh Tin\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

Currently, intellectual property in general and the organization and management of intellectual property activities (Intellectual asset governance) in particular are being paid special attention by most economic organizations because of their enormous contributions to the asset value of the organization. In recent years, along with the general development trend of the whole country and industries, universities, the origin of creativity, the beginning of most intellectual asset have gradually recognized the value of the contribution of IP to sustainable development, the universities have initially built and operated their Intellectual asset governance models in order to find the appropriate model as Intellectual asset governance is only effective when we have the most suitable model of governance. Given the rising trend, VietNam National University Ho Chi Minh City (VNU-HCM) and its member universities soon tested and operated their models. After nearly 10 years of operation, no official summary report on the efficiency obtained from each model is conducted. With observable data, however, the author found that each model has its advantages and certain limitations. In this article, the author analyzes the Intellectual asset governance models in VNU-HCM and its member universities, followed by the proposal of a suitable model for corporate governance for each subject.

**Key words:** Intellectual asset governance, intellectual property, intellectual asset, intellectual-property management

University of Economics and Law,  
VNU-HCM, Vietnam

## Correspondence

**Ngo Minh Tin**, University of Economics and Law, VNU-HCM, Vietnam

Email: tinm@uel.edu.vn

## History

- Received: 19-12-2020
- Accepted: 22-5-2021
- Published: 26-5-2021

DOI : 10.32508/stdjelm.v5i3.743



## Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Tin N M. The model of organization and management of intellectual property activities in Viet Nam National University Ho Chi Minh City and the universities members - current situation and solutions. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(3):1589-1597.